TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Nguyễn Anh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Nhật Trường, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Truyền, Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 217/2018/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện D, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Châu H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

Chị N có đơn xin vắng mặt, anh H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N trình bày: Chị với anh H chung sống vợ chồng năm 2012, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2014 thì vợ cH phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân bất đồng ý kiến do anh

H thường xuyên ghen tuông vô cớ với chị nên chị đã về mẹ ruột sống cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phi L, sinh ngày 20/7/2012, hiện do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2018, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân. Nay anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phi L, sinh ngày 20/7/2012. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H; Về con chung, giao cháu L cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu L do chị N không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét; Án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Tóm lại về cơ bản vụ án giải quyết đảm bảo quy định của tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại điểm a khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh H là hợp pháp. Chị N xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ cH phát sinh mâu thuẫn như trên. Nay chị N xác định mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ cH không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu

cầu được ly hôn với anh H. Tại phiên tòa, anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét chị N và anh H tự nguyện thuận tình ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phi L, sinh ngày 20/7/2012.

Xét yêu cầu nuôi con của chị N và anh H thấy rằng: Từ khi ly thân vào năm 2014 đến nay cháu L do chị N nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác ngày 20/6/2018, trưởng ấp C, xã D, huyện D, tỉnh T xác nhận chị N có nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản và trồng hoa màu, thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con. Còn anh H đi buôn bán xa cùng mẹ ruột, không đảm bảo cho việc trông nôm, chăm sóc và sự phát triển mọi mặt của cháu L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu L theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu L cho chị N trược tiếp nuôi trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu L nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Bích N và anh Nguyễn Châu H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phi L, sinh ngày 20/7/2012 cho chị Huỳnh Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Châu H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phi L do chị N không yêu cầu.

3. Anh Nguyễn Châu H có quyền, nghĩa thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Án phí: Chị Huỳnh Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15545 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T. Vậy chị N đã thi hành xong án phí.

5. Anh H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T
- VKSND huyện C;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức